

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Gói thầu: Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

Tên bên mời chào giá: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai

Điện thoại: 02512 225899;

Fax: 02512 225897;

Mã số thuế: 3600897316.

1. Tên gói thầu: Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - Nội dung chính của gói thầu: Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
 - Nguồn vốn: Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty.
2. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá cạnh tranh trong nước (không qua mạng).
3. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
4. Thời gian phát hành Yêu cầu báo giá: Từ lúc 10 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 10 năm 2026 đến trước 10 giờ 00, ngày 16 tháng 10 năm 2026.
5. Địa điểm phát hành Yêu cầu báo giá: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Địa chỉ: Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai và Website Công ty <http://www.pvpnt2.vn> (chi tiết như đính kèm).
6. Giá bán 01 bộ Yêu cầu báo giá: **Miễn phí**
7. Thời gian nhận báo giá: Không muộn hơn 10 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 10 năm 2026.
8. Thời gian mở báo giá: 10 giờ 15 phút ngày 16 tháng 10 năm 2026.

Tp. Đồng Nai, ngày 07 tháng 10 năm 2026

Đại diện bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quyền

Số: 54.3/QĐ-CPNT2

Tp. Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Yêu cầu báo giá

Gói thầu: Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/06/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-CPNT2 ngày 19/03/2026 của HĐQT Công ty về việc Phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-CPNT2 ngày 26/05/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 08/06/2026 của HĐQT Công ty về phê duyệt chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Đề xuất số 567/ĐX-CPNT2 ngày 07/08/2026 của các Phòng chức năng về việc phê duyệt phạm vi công việc thực hiện Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-CPNT2 ngày 02/10/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Tờ trình số 714/TTr-CPNT2 ngày 05/10/2026 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 714/TTr-CPNT2 ngày 05/10/2026 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo Quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các Phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.TCKT, P.TM-TTĐ; *Amh*
- Lưu VT, P.ATSKMT. *Amh*

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.



Ngô Đức Nhân

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

Phát hành ngày: 06/10/2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 543/QĐ-CPNT2

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp báo giá) gói thầu Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
3. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp và đáp ứng thời gian theo yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG;

Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực kinh nghiệm. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự ⁽¹⁾ về dịch vụ Tư vấn, lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cấp thẩm quyền Bộ Công thương phê duyệt. trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: Có quy mô (giá trị) tối thiểu 50% giá gói thầu với giá trị là 244.440.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất ⁽²⁾ so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Văn bản cam kết

(1) Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: Hợp đồng, BB nghiệm thu/BB quyết toán thanh lý, hóa đơn GTGT hoặc tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.

(2) Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Nhân sự chủ chốt

Nhà thầu có đề xuất nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu: Đạt.

Nhà thầu có đề xuất nhân sự chủ chốt không đáp ứng yêu cầu: Không đạt.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo

Mẫu số 04A, 04B Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Stt	Vị trí công việc	Số lượng	Năng lực nhân sự (còn hiệu lực)	Tài liệu đính kèm
1	Nhân sự tư vấn trực tiếp phụ trách công tác khảo sát hiện trường và lập Kế hoạch	≥ 02	- Có Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất với phạm vi hoạt động Tư vấn về xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.	- Bản sao y chứng chỉ liên quan

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi công việc			
1	Phạm vi công việc đáp ứng đầy đủ quy định tại Mục 2, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
2	Thời gian, địa điểm thực hiện đáp ứng quy định tại chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
II. Cam kết			
1	Nhà thầu phải cam kết huy động đầy đủ nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện công việc đáp ứng tiến độ thực hiện công việc theo yêu cầu của YCBG		
	Có cam kết	X	
	Không có cam kết		X
2	Nhà thầu phải cam kết mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện hợp đồng		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	Có cam kết	X	
	Không có cam kết		X
3	Nhà thầu phải cam kết nhân sự của nhà thầu phải được huấn luyện ATVSLĐ		
	Có cam kết	X	
	Không có cam kết		X

BBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 6. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), thuế VAT sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), thuế VAT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (3);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: Yêu cầu báo giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện bảng giá chào đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng

thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các bảng giá chào khác của các nhà thầu vượt qua đánh giá về kỹ thuật; trường hợp trong bảng giá chào của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu này; trường hợp bảng giá chào của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Mục 7. Đơn chào giá, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào giá, bảng giá chào, theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 8. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III.
2. Bảng tiến độ thực hiện theo Mẫu số 02 Chương III.
3. Bảng giá chào theo Mẫu số 03 Chương III.
4. Bảng đề xuất thực hiện phạm vi công việc bao gồm các nội dung theo quy định tại Mục 2 Chương II của Yêu cầu báo giá.
5. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt theo Mẫu 04A Chương III.
6. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt theo Mẫu 04A Chương III.
7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương) có ngành nghề phù hợp.
8. Các nội dung cần thiết khác:
 - a. Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: Hợp đồng tương tự, BB nghiệm thu/BB quyết toán thanh lý, hóa đơn GTGT, tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng tương tự.
 - b. Hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về nhân sự được nêu tại Mục 3 Chương II của Yêu cầu báo giá.
 - c. Văn bản cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
 - d. Văn bản cam kết thực hiện các nội dung yêu cầu ở Mục 4.3 Chương II.

Mục 9. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận Bản báo giá.

Mục 10. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng

Nai; Điện thoại: 02512225899; Fax: 02512225897 không muộn hơn **10 giờ 00 phút ngày 16/10/2026**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 11. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và giá chào không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 12. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang thông tin điện tử (<https://www.pvpnt2.vn>) của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 02 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 13. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu và Nghị định.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thông tin gói thầu: Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng (Không kể thời gian xem hồ sơ của chủ đầu tư, thời gian khắc phục hiện trường của chủ đầu tư theo ý kiến của Hội đồng thẩm định (nếu có), thời gian thẩm định ra quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước và các ngày nghỉ Lễ theo quy định của Nhà nước). Cụ thể bao gồm các giai đoạn như sau:
 - + Giai đoạn 1: 45 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực Nhà thầu thực hiện các công việc sau:
 - Nhà thầu khảo sát, lấy số liệu thực tế (chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Nhà thầu để phục vụ lập Kế hoạch) và xử lý số liệu khí tượng, địa chất, thủy văn tại khu vực thực hiện dự án.
 - Nhà thầu thực hiện lập các báo cáo các chuyên đề của Kế hoạch và hoàn thiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nộp Bộ Công thương thẩm định.
 - + Giai đoạn 2: 135 ngày tiếp theo kể từ ngày kết thúc giai đoạn 1, Nhà thầu hoàn thành việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Bộ Công Thương. Nhà thầu chủ động bám sát quá trình thẩm định của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, đảm bảo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy trong khoảng thời gian này. Nhà thầu phải thực hiện các công tác chuẩn bị, hoàn tất trước khi hội đồng của Bộ Công Thương khảo sát, thẩm định tại Nhà máy, thời gian yêu cầu là trước 2 ngày theo Văn bản thông báo của Bộ Công Thương.
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai.

2. Phạm vi công việc thực hiện

Phạm vi công việc Thuê dịch vụ tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thể hiện dưới đây:

- 2.1. Nhà thầu tự chủ động khảo sát, thu thập, kiểm tra tình hình thực tế dự án, tổng hợp tài liệu của dự án và lập báo cáo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 theo quy định tại Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ Công thương về Quy định một số biện pháp thi hành Luật hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

a. Khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến hoạt động của Nhà máy

- Thông tin về quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh

- Thông tin các hạng mục công trình bao gồm hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và các công trình khác, danh mục thiết bị sản xuất chính
 - Thông tin công nghệ sản xuất, thuyết minh chi tiết các công đoạn sản xuất, sử dụng, vận chuyển, lưu trữ hóa chất
 - Thông tin các loại hóa chất, khối lượng, phân loại, đặc tính lý hóa học, độc tính của mỗi loại hóa chất
 - Thông tin yêu cầu kỹ thuật về bao gói, bảo quản và vận chuyển
 - Thông tin về điều kiện địa hình, khí hậu, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước khu vực xung quanh vị trí Nhà máy
 - Thông tin về các công trình công nghiệp, quân sự, khu dân cư, hành chính, thương mại, công trình tôn giáo, khu vực nhạy cảm về môi trường trong phạm vi 1000m bao quanh Nhà máy.
 - Đánh giá sự ảnh hưởng của các điều kiện trên đối với công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.
- b. Dự báo điểm nguy cơ, các tình huống sự cố điển hình có thể xảy ra
 - c. Đưa ra các giải pháp chung về quản lý để phòng ngừa sự cố hóa chất
 - d. Đưa ra giải pháp kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
 - e. Lên kế hoạch xây dựng nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
 - f. Lên kế hoạch phối hợp các lực lượng bên trong và bên ngoài tham gia ứng phó sự cố hóa chất khi vượt tầm kiểm soát
 - g. Đưa ra kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố hóa chất
 - Kịch bản giả định với các tình huống đã dự báo
 - Kế hoạch triển khai diễn tập định kỳ
 - h. Đề xuất phương án khắc phục hậu quả sự cố hóa chất
 - Giải pháp kỹ thuật khắc phục hậu quả sự cố hóa chất
 - Phương án bồi thường thiệt hại do sự cố hóa chất gây ra
 - i. Viết kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phù hợp với quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ Công thương với các nội dung sau:

Mở đầu

Chương I : Thông tin liên quan đến hoạt động Nhà máy.

Chương II : Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

Chương III : Kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố hóa chất.

Chương IV : Phương án khắc phục hậu quả sự cố hóa chất.

Kiến nghị và cam kết của Chủ đầu tư

Phụ lục các tài liệu đính kèm

Các tài liệu tham khảo

2.2. Hoàn thiện, trình nộp và bảo vệ Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (Kế hoạch) với cơ quan thẩm quyền

- Tư vấn cho Chủ đầu tư về văn bản đề nghị và hồ sơ đi kèm, đảm bảo đủ điều kiện trình Bộ Công Thương thẩm định, xem xét phê duyệt Kế hoạch cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 theo các quy định của Luật Hóa chất và các Nghị định, Thông tư hiện hành có liên quan.
- Hoàn thành Kế hoạch và trình nộp Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt.
- Nộp phí thẩm định Kế hoạch (Chủ đầu tư thực hiện nộp)
- Thực hiện khảo sát tư vấn cho Chủ đầu tư trước khi Hội đồng thẩm định kiểm tra thực tế tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Phối hợp với Chủ đầu tư làm việc với Hội đồng thẩm định kiểm tra, thẩm định báo cáo Kế hoạch cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, theo dõi quá trình thẩm định, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện Kế hoạch theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định (nếu có), đảm bảo đủ điều kiện cho Bộ Công Thương thông qua và ra Quyết định phê duyệt Kế hoạch cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Nếu có phát sinh các công tác khác cần phải thực hiện thêm theo yêu cầu cơ quan chức năng để đáp ứng đầy đủ thủ tục được cấp phê duyệt báo cáo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 thì Nhà thầu tư vấn vẫn phải thực hiện đầy đủ và không tính thêm chi phí thực hiện.

2.3. Sản phẩm nhận được

Quyết định phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Bộ Công Thương, kèm theo hồ sơ đã được phê duyệt và các Bản vẽ vị trí bồn bể hóa chất, các vị trí lưu giữ hóa chất, Bản đồ thoát hiểm và các lưu đồ theo quy định của Luật Hóa chất Sơ đồ vị trí lưu giữ vật tư, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất,... (bản cứng dấu đỏ kèm bản Word và bản scan lưu vào USB bàn giao cho Chủ đầu tư).

3. Yêu cầu nhân sự chủ chốt

Có ít nhất 02 chuyên gia tư vấn có Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất với phạm vi hoạt động Tư vấn về xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

4. Yêu cầu về kỹ thuật

4.1. Về phạm vi công việc

- Phạm vi công việc đáp ứng đầy đủ các hạng mục quy định tại Mục 2, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

4.2. Về thời gian và địa điểm thực hiện gói thầu

- Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng (Không kể thời gian xem hồ sơ của chủ đầu tư, thời gian khắc phục hiện trường của chủ đầu tư theo ý kiến của Hội đồng thẩm định (nếu có), thời gian thẩm định ra

quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước và các ngày nghỉ Lễ theo quy định của Nhà nước). Cụ thể bao gồm các giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 1: 45 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực Nhà thầu thực hiện các công việc sau:

- Nhà thầu khảo sát, lấy số liệu thực tế (chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Nhà thầu để phục vụ lập Kế hoạch) và xử lý số liệu khí tượng, địa chất, thủy văn tại khu vực thực hiện dự án.
- Nhà thầu thực hiện lập các báo cáo các chuyên đề của Kế hoạch và hoàn thiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nộp Bộ Công thương thẩm định.

+ Giai đoạn 2: 135 ngày tiếp theo kể từ ngày kết thúc giai đoạn 1, Nhà thầu hoàn thành việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Bộ Công Thương. Nhà thầu chủ động bám sát quá trình thẩm định của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, đảm bảo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy trong khoảng thời gian này. Nhà thầu phải thực hiện các công tác chuẩn bị, hoàn tất trước khi hội đồng của Bộ Công Thương khảo sát, thẩm định tại Nhà máy, thời gian yêu cầu là trước 2 ngày theo Văn bản thông báo của Bộ Công Thương.

- Địa điểm thực hiện gói thầu: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai.

4.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải cam kết huy động đầy đủ nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện công việc đáp ứng tiến độ thực hiện công việc theo yêu cầu của YCBG.
- Nhà thầu phải cam kết mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện gói thầu tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Nhà thầu phải cam kết nhân sự của nhà thầu phải được huấn luyện ATVSLĐ và được trang bị đầy đủ BHLĐ theo quy định.
- Tất cả nhân sự tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

Chương III. BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

Stt	Biểu mẫu		Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Đơn chào giá	Cách thực hiện		X
2	Mẫu số 02. Bảng tiến độ thực hiện			X
3	Mẫu số 03. Bảng giá chào			X
4	Mẫu số 04A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
5	Mẫu số 04B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày:[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu:[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu:.....
- Số đăng ký kinh doanh:.....

Cam kết thực hiện gói thầu.....[Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là.....[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá chào với tỷ lệ phần trăm giảm giá là[Ghi tỷ lệ giảm giá]

Giá chào sau khi trừ đi giá trị giảm giá là:

Thời gian thực hiện gói thầu là [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Thời hạn hiệu lực của báo giá:ngày, kể từ ngày.....[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm ngừng tiếp nhận báo giá].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIẾN ĐỘ GÓI THẦU
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Tiến trình thực hiện	Công việc thực hiện	Yêu cầu của bên mời chào giá	Nhà thầu đề xuất
I	Tiến độ thực hiện gói thầu			
1	Giai đoạn 1 (Không kể thời gian xem hồ sơ của chủ đầu tư và các ngày nghỉ Lễ theo quy định của Nhà nước)	Kể từ ngày ký hợp đồng, nhà thầu thực hiện các công việc: - Nhà thầu khảo sát, lấy số liệu thực tế (chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Nhà thầu để phục vụ lập Kế hoạch) và xử lý số liệu khí tượng, địa chất, thủy văn tại khu vực thực hiện dự án. - Nhà thầu thực hiện lập các báo cáo các chuyên đề của Kế hoạch và hoàn thiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nộp Bộ Công thương thẩm định.	≤ 45 ngày	
2	Giai đoạn 2 (Không kể thời gian khắc phục hiện trường của chủ đầu tư theo ý kiến của Hội đồng thẩm định (nếu có), thời gian thẩm định ra quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước và các ngày nghỉ)	Kể từ ngày kết thúc giai đoạn 1, Nhà thầu hoàn thành việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Bộ Công Thương. Nhà thầu chủ động bám sát quá trình thẩm định của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, đảm bảo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy trong khoảng thời gian này. Nhà thầu phải thực hiện các công tác chuẩn bị, hoàn tất trước khi hội đồng của Bộ Công Thương khảo sát, thẩm định tại Nhà máy, thời gian yêu	≤ 135 ngày	

	<i>Lễ theo quy định của Nhà nước)</i>	cầu là trước 2 ngày theo Văn bản thông báo của Bộ Công Thương.		
3	Tổng thời gian thực hiện gói thầu kể từ ngày ký hợp đồng <i>(Không kể thời gian xem hồ sơ của chủ đầu tư, thời gian khắc phục hiện trường của chủ đầu tư theo ý kiến của Hội đồng thẩm định (nếu có), thời gian thẩm định ra quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước và các ngày nghỉ Lễ theo quy định của Nhà nước)</i>		≤ 180 ngày	
II	Địa điểm thực hiện gói thầu		Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai	

BẢNG GIÁ CHÀO

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Chi phí thực hiện Tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho NMD Nhơn Trạch 2 đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chưa bao gồm thuế VAT	Gói	01		
2	Thuế VAT				
3	Chi phí thực hiện đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), thuế VAT				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (5), (6) do nhà thầu chào.
- Chi phí thực hiện đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT.
- Nhà thầu có nhu cầu tới khảo sát khảo sát thực tế tại Nhà máy để xây dựng chi phí thực hiện cho phù hợp với tình hình thực hiện phạm vi công việc xin liên hệ theo thông tin: Điện thoại 02512225899. Địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ấp 3, xã Đại Phước, Tp.Đồng Nai.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	...	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chức chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										



Chương IV. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 05

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại YCBG*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều 11 Chương IV.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận BBG và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai Bên cùng nhất trí ký kết thực hiện Tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với các điều kiện Điều khoản như sau :

Điều 1. Định nghĩa

- 1.1 “Hợp đồng” được hiểu là văn bản được ký kết giữa Bên A và Bên B
- 1.2 “Phạm vi công việc” được hiểu là Tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, chi tiết tại Điều 2 – Phạm vi công việc
- 1.3 “Ngày”: là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần
- 1.4 “Tuần”: là 07 ngày

Điều 2. Phạm vi công việc

- Bên A giao cho Bên B thực hiện việc Tư vấn, thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 của Bên A.
- Dịch vụ phải đáp ứng đầy đủ theo quy định của Hợp đồng.

Điều 3. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phạm vi công việc và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 4. Trách nhiệm của Bên A

- Tạo mọi điều kiện để Bên B thực hiện công việc;
- Phối hợp chặt chẽ với Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Cung cấp tài liệu, số liệu, các văn bản pháp lý, thông tin liên quan đến việc lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, các văn bản, hồ sơ tài liệu phát sinh khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B, Bên A phải cung cấp cho Bên B các văn bản pháp lý, tài liệu để thực hiện công việc.
- Cử cán bộ phối hợp với Bên B trong quá trình khảo sát hiện trạng khu vực thực hiện công việc, quá trình khảo sát cùng quan thẩm định, quá trình thẩm định hồ sơ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Giám sát, đôn đốc Bên B thực hiện công việc đáp ứng tiến độ yêu cầu và chất lượng công việc;

- Nộp phí thẩm định theo quy định khi có quyết định của cơ quan cấp phép;
- Phối hợp với Bên B để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng để Bên B hoàn thành đúng tiến độ hợp đồng
- Nghiệm thu hoàn thành công việc theo quy định của Hợp đồng;
- Thực hiện đầy đủ các điều khoản như đã quy định trong hợp đồng và thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này

Điều 5. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các yêu cầu về dịch vụ như nêu tại Điều 2 và các Phụ lục đính kèm của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

- Chịu trách nhiệm pháp lý về khối lượng công việc, Hồ sơ và bổ sung khắc phục những sai sót, thiếu của Hồ sơ để được cấp có thẩm quyền chấp thuận ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch bằng chi phí của Bên B;
- Chịu trách nhiệm dẫn đoàn kiểm tra của cơ quan chức năng, Hội đồng thẩm định và các bên liên quan khác đi thực địa (nếu có) bằng chi phí của Bên B;
- Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục 2 để thực hiện dịch vụ;
- Tự chịu trách nhiệm pháp lý về an toàn lao động, phương tiện, thiết bị, bảo hiểm an toàn lao động cho nhân sự của Bên B trong suốt quá trình thực hiện công việc;
- Nhân sự của Bên B khi ra vào làm việc tại địa điểm của Bên A phải chấp hành mọi nội quy, quy định nơi làm việc, thực hiện đúng hệ thống an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A;
- Chủ động tổ chức thực hiện công việc đảm bảo thời gian, tiến độ hợp đồng, hoàn thành tiến độ công việc theo đúng thời gian nêu tại Điều 8;
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi nhận được văn bản yêu cầu trao đổi thông tin, nội dung công việc liên quan đến việc xây dựng hồ sơ, Bên B phải có văn bản trả lời cho Bên A trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản yêu cầu
- Trường hợp thay đổi nhân sự tại Phụ lục 2, Bên B phải có trách nhiệm thông báo và gửi hồ sơ năng lực (Bản sao công chứng) để Bên A xem xét, chấp thuận.
- Nếu bên B không triển khai hoặc triển khai công việc không đáp ứng tiến độ tại đề cương đã được Bên A phê duyệt thì Bên A xem xét chấm dứt hợp đồng, đồng thời mời bên thứ ba vào thực hiện công việc, mọi chi phí liên quan do Bên B chịu và bồi thường thiệt hại cho Bên A (nếu có).
- Bên B phải bảo mật với mọi thông tin và hồ sơ tài liệu do Bên A cung cấp để thực hiện công việc Hợp đồng; không được phép tiết lộ, cung cấp thông tin và hồ sơ tài liệu cho bên thứ 3 mà không được sự đồng ý của Bên A ngoại trừ cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho Bên A
- Không được chuyển giao nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dưới bất kỳ hình thức nào cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý của Bên A.

- Tạo điều kiện để Bên A giám sát thực hiện công việc.

Điều 6. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

6.1 Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]

6.2 Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].

b) Số lần thanh toán: ____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng]

c) Thời hạn thanh toán: _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 7. Loại Hợp đồng: Trọn gói

Điều 8. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 260 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Trong đó:

- Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng (Không kể thời gian xem hồ sơ của chủ đầu tư, thời gian khắc phục hiện trường của chủ đầu tư theo ý kiến của Hội đồng thẩm định (nếu có), thời gian thẩm định ra quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước và các ngày nghỉ Lễ theo quy định của Nhà nước). Cụ thể bao gồm các giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 1: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng Nhà thầu thực hiện các công việc sau:

- Nhà thầu khảo sát, lấy số liệu thực tế (chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Nhà thầu để phục vụ lập Kế hoạch) và xử lý số liệu khí tượng, địa chất, thủy văn tại khu vực thực hiện dự án.
- Nhà thầu thực hiện lập các báo cáo các chuyên đề của Kế hoạch và hoàn thiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nộp Bộ Công thương thẩm định.

+ Giai đoạn 2: 135 ngày tiếp theo kể từ ngày kết thúc giai đoạn 1, Nhà thầu hoàn thành việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Bộ Công Thương. Nhà thầu chủ động bám sát quá trình thẩm định của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, đảm bảo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy trong khoảng thời gian này. Nhà thầu phải thực hiện các công tác chuẩn bị, hoàn tất trước khi hội đồng của Bộ Công Thương khảo sát, thẩm định tại Nhà máy, thời gian yêu cầu là trước 2 ngày theo Văn bản thông báo của Bộ Công Thương.

Điều 10. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

10.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi yêu cầu công việc theo hợp đồng;
- b) Bổ sung hạng mục công việc ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

10.2 Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 11. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

11.1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu].

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này].

11.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

11.3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ [Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].

Điều 12. Chấm dứt Hợp đồng

12.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

12.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường

cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng đó.

- 12.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 13. Trường hợp bất khả kháng

- 13.1. Quy định về bất khả kháng: Trong trường hợp này, bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của Bên B, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của Bên B, chẳng hạn như chiến tranh, bạo loạn, khủng bố, dịch bệnh hay những trường hợp tương tự mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.
- 13.2. Thủ tục về bất khả kháng: Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các Bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

Điều 14. Phạt Hợp đồng

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 13 Hợp đồng này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu của Hợp đồng thì Bên A có quyền khấu trừ vào giá Hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với 0,3% giá trị trước thuế VAT công việc chậm thực hiện như quy định tính cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt chậm tối đa không vượt quá 8% giá trị của Hợp đồng. Khi đạt đến mức tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

Điều 15. Điều chỉnh thuế GTGT

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Điều khoản chung

16.1. Ngôn ngữ Hợp đồng và Luật áp dụng

- Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.
- Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.

16.2. Giải quyết tranh chấp

- Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ký kết, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng này, mọi vấn đề khó khăn trở ngại hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Các thay đổi đều phải được thỏa thuận bằng văn bản do hai Bên ký kết mới có hiệu lực.
- Mọi tranh chấp nếu có mà hai Bên không hòa giải được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư/bên mời thầu giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a(1)].

